

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B2**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH04211**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Sinh lý thực vật - Giống CT**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201161347	Nguyễn Phương Bắc	20/12/2007				9	7.0	8.0	6.3		8.0		7.7
2	2256201161348	Trần Văn Chí Bình	14/12/2007				9	7.0	6.0	6.6		5.0		5.8
3	2256201161349	Nguyễn Văn Bùng	07/04/2007				8	7.0	5.0	7.1		5.0		5.6
4	2256201161350	Vũ Hoàng Danh	28/09/2007				6	6.0	8.0	7.0		7.0		6.9
5	2256201161351	Thiều Thị Thùy Dung	16/03/2007				7	6.0	6.0	7.3		6.5		6.5
6	2256201161352	Phạm Trường Duy	23/10/2006				10	8.0	6.0	7.4		6.0		6.6
7	2256201161353	Nguyễn Thị Thảo Duyên	12/08/2007				6	6.0	6.0	6.1		5.0		5.4
8	2256201161355	Bùi Thành Đạt	26/09/2007				8	7.0	6.0	7.1		5.0		5.8
9	2256201161356	Phan Thành Đạt	04/09/2007				8	7.0	6.0	6.4		5.0		5.7
10	2256201161357	Nguyễn Long Giang	13/04/2007				10	8.0	8.0	7.3		8.0		8.0
11	2256201161358	Trần Phạm Thanh Hải	09/02/2007				10	8.0	6.0	7.1		3.5	1.5	5.1
12	2256201161359	Nguyễn Thị Hậu	02/10/2006				8	7.0	6.0	7.1		3.0	5.0	5.8
13	2256201161360	Trần Văn Hậu	27/07/2007				8	7.0	6.0	6.3		5.0		5.7
14	2256201161361	Dương Quốc Hùng	26/04/2007				8	7.0	6.0	7.0		4.0	0.0	5.1
15	2256201161362	Nguyễn Thị Tuyết Hường	18/08/2007				5	6.0	5.0	6.6		6.0		5.9
16	2256201161363	Đồng Thị Như Huỳnh	11/06/2007				9	8.0	8.0	6.3		5.5		6.4
17	2256201161364	Nguyễn Hữu Khải	01/12/2007				8	7.0	5.0	6.6		4.5	0.0	5.3
18	2256201161365	Nguyễn Phương Chấn Khang	06/04/2007				7	6.0	6.0	6.6		7.5		7.0
19	2256201161366	Nguyễn Đăng Khoa	21/07/2007				6	6.0	6.0	6.4		0.0	9.0	7.8
20	2256201161727	Nguyễn Thanh Hiệp	02/06/2007				8	7.0	7.0	7.3		3.0	6.0	6.5

Châu Đốc, ngày 18 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Tiến Đạt